TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 30/9/2019;
V/v: Ly hôn;

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tần;

Bà Nguyễn Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, về việc ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Lạc H, sinh năm 1971 có mặt;

Trú tại: Thôn S , xã H , huyện T , thành phố H ;

Bị đơn: Chị Kiều Thị Kim D, sinh năm 1985; có mặt;

Trú tại: Thôn P , xã C , huyện T , thành phố H ;

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, anh Phan Lạc H trình bày như sau: Anh Phan Lạc H và chị Kiều Thị Kim D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội ngày 26/4/2016. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, chị D nhiều lần bỏ nhà về nhà bố mẹ đẻ sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H bị hiếm muộn nên vợ chồng có bàn nhau đi thụ tinh nhân tạo H chị D không đồng ý và chị D đã đi cặp với người đàn ông khác để có con. Ngoài ra, do vợ chồng không hợp nhau về phong cách sống nên trong cuộc sống luôn cãi vã. Anh H, chị D đã sống ly thân hơn một năm nay. Do tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh H và chị D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là chị Kiều Thị Kim D trình bày:* Chị D và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hữu Bằng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không có khả năng có con nên vợ chồng có bàn bạc cho chị D đi kiếm con hoặc đi thụ tinh nhân tạo. NH do điều kiện kinh tế khó khăn không có điều kiện để đi thụ tinh nhân tạo nên chị D có xin anh H cho chị được đi kiếm con với người đàn ông khác, khi chị D có thai thì anh H lại cho rằng chị D đi ngoại tình nên về nhà chửi bới chị, chị đã xin lỗi anh H nH anh H vẫn không chấp nhận và đuổi chị đi. Vợ chồng chị đã sống ly thân được hơn một năm nay trong thời gian ly thân chị D đã bị xảy thai. Nay anh H xin ly hôn chị không đồng ý, vì chị không có lỗi, chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D yêu cầu anh H thanh toán công sức cho chị trong thời giam 3 năm sống chung chị nấu cơm, giặt giũ cho anh H và trả nợ tiền làm nhà với số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Nếu anh H thanh toán trả chị đủ số tiền 50.000.000đ thì chị đồng ý ly hôn anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc thực hiện tố tụng của Toà án: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại quy định Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: Anh Phan Lạc H và chị Kiều Thị Kim D kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh H không có con, tuy nhiên anh, chị lại không thống nhất được với nhau về việc sinh con, chị D đi kiếm con ngoài thì anh H không đồng ý dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nH quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D không được cải thiện, anh H vẫn kiên quyết xin được ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh H, chị D ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Anh H, chị D không có con chung.

Về tài sản chung: Anh H, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu của chị D về việc yêu cầu anh H thanh toán tiền công sức trong việc trả nợ tiền xây nhà và công nấu cơm, giặt giũ trong thời gian chung sống là không có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Kiều Thị Kim D cư trú tại xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên Toà án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27/9/2019 chị Kiều Thị Kim D có xuất trình một giấy siêu âm thai của phòng phám Sơn Hải, địa chỉ thôn Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, theo cung cấp của bác sỹ Phùng Ngọc Sơn chủ phòng khám Sơn Hải thì chiều ngày 26/9/2019 chị D có đến phòng khám Sơn Hải khám chậm kinh, bác sỹ Sơn có tiến hành siêu âm ổ bụng cho chị D nH kết quả siêu âm là không có thai, bác sỹ Sơn có cấp cho chị D một phiếu siêu âm có hình ảnh ổ bụng của chị D và kết luận là không có thai, sau đó chị D đi làm giả một phiếu siêu âm thai có hình ảnh phô tô ổ bụng của chị D, trong phiếu kết luận là chị D có thai 4 tuần và sáng ngày 27/9/2019 chị D có đến nhờ bác sỹ Sơn ký vào phiếu siêu âm thai giả đó nH bác sỹ Sơn không ký. Phiếu siêu âm thai chị D xuất trình cho Tòa án là phiếu siêu âm thai giả không phải của phòng khám Sơn Hải, chữ ký trong phiếu siêu âm đó cũng không phải chữ ký của bác sỹ Sơn và hình ảnh trong phiếu siêu âm cũng không thể hiện là có thai. Tại phiên tòa chị D thừa nhận hiện chị không có thai, việc chị làm chứng cứ giả mục đích để anh H không được quyền ly hôn chị.

Như vậy, có căn cứ để kết luận hiện chị D không có thai nên anh H có quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân năm 2014.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Kiều Thị Kim D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D là hợp pháp. Theo anh H thì vợ chồng sống không hạnh phúc, do anh H không có con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn chị D. Chị D thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị đi kiếm con với người đàn ông khác thì anh H cho rằng chị ngoại tình, chị không có lỗi vì trước khi chị xin con chị đã xin phép anh H nên chị không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nH anh H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn

nhân giữa anh H và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H, xử anh H và chị D ly hôn phù hợp với Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3].Về con chung: Anh H, chị D không có con chung.

[4].Về tài sản, nợ chung: Anh H, chị D không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị D yêu cầu anh H thanh toán số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền công sức trong việc trả nợ tiền làm nhà và công sức, nấu cơm giặt giũ trong thời gian chung sống. Tuy nhiên, anh H không thừa nhận việc chị D trả nợ tiền làm nhà và chị D cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản nợ đã trả là bao nhiêu nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của chị D.

[5].Về án phí: Anh Phan Lạc H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Lạc H ly hôn chị Kiều Thị Kim D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Anh H, chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phan Lạc H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng đã nộp theo biên lai số AB/2014/006839 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Lạc H và chị Kiều Thị Kim D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- THADS huyện Thạch Thất;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- UBND xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất.

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Thuỷ